

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2024/HS-PT

Ngày: 31-10-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Bá Nguyên;

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**  
Bà Võ Thị Kiều Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 131/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2024/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

Lê Văn T, sinh ngày 10/9/1988 tại tỉnh Bình Định; Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn S, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Kim B (chết); vợ: Hồ Thị Kiều O, sinh năm 1991, con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014 và nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/5/2019, bị Công an huyện P xử phạt 750.000 đồng về hành vi đánh nhau xảy ra ngày 25/11/2018 tại thôn C, xã M, huyện P theo Quyết định số: 10/QĐ-XPHC; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/10/2023 đến ngày 29/10/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh; Bị cáo hiện đang tại ngoại (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2021, Trương Văn T1 làm giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P (gọi tắt: Công ty) đóng tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Sau đó,

T1 thuê ông Trương Văn T2 (anh ruột T1) là người đứng ra quản lý điều hành Công ty, hàng tháng Thơ trả tiền cho ông T2 và mọi hoạt động của Công ty ông T2 có trách nhiệm báo cáo lại cho ông T1. Đồng thời, trong khoảng thời gian này Công ty có mua và khai thác gỗ keo tại khu vực Đ thuộc huyện P, tỉnh Bình Định. Ông T2 có gọi Nguyễn Văn L để vận chuyển chở gỗ keo từ khu vực khai thác về địa điểm tập kết của Công ty tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, nên ông L gọi Lê Văn D cùng làm chung với tổ của ông L. Sau đó, D nói lại với Lê Văn T (em ruột của D) về việc sử dụng xe máy cày của mình để chở gỗ keo khai thác tại khu vực Đèo Nhông về tại bãi tập kết của Công ty nói trên của ông T1 (xe máy cày D và T góp tiền mua vào năm 2018 về để làm ăn) và T đồng ý. Thời gian sau đó, D chở gỗ về cho Công ty thì việc tính toán số chuyến chở gỗ, số tiền có lần ông L tính, có lần Dự tính và nhận tiền từ Phan Thị Thúy K (kế toán của Công ty). Sau này, Công ty không còn hoạt động nữa thì K bàn giao sổ sách lại cho Công ty và xác định còn nợ số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) của tổ ông L và số tiền này ông L xác nhận là số tiền Công ty nợ của Dự chứ riêng phần ông L đã nhận đủ tiền. Sau đó, ông D nhiều lần lên Công ty để đòi số tiền nợ nói trên nhưng không được và nhiều lần gọi điện thoại cho T1 để đòi tiền nhưng không được và ông D cũng không gặp được ông T1.

Vào ngày 26/5/2023, ông Trương Văn T1 điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 77D1- 743.74 chở bà Võ Thị D1 (bạn gái của T1) đi chơi ở xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Đến chiều cùng ngày 26/5/2023, ông T1 điều khiển xe mô tô chở bà D1 đi về. Cũng thời gian trên, Lê Văn T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 77F1-371.13 đi thăm hồ cá tại Đập T thuộc thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định về. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày 26/5/2023, khi T điều khiển xe mô tô đi theo đường bê tông thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định thì thấy ông T1 đang điều khiển xe mô tô chở bà D1 đi ngược chiều. Do nảy sinh ý định đòi lại khoản tiền mà ông T1 còn nợ nói trên chưa trả cho D và T nên T quay xe mô tô lại đi theo phía sau xe mô tô của T1. Trên đường điều khiển xe mô tô đi theo xe mô tô của ông T1 thì T gặp ông Nguyễn Ngọc Á (tên thường gọi C) đang đi bộ trên đường bê tông thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Ông Á nhờ T chở đến chỗ ông Á bỏ xe mô tô trước đó để lấy xe mô tô đi về nhà, khi đến đoạn đường trước trụ sở thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định thì ông Á xuống xe đi bộ. Còn T tiếp tục điều khiển xe mô tô đuổi theo xe mô tô của ông T1 khoảng 90 mét thì T đuổi kịp xe mô tô của ông T1. Lúc này, T nói với ông T1 “dừng xe máy lại em nói chút chuyện”, khi đó ông T1 dừng xe mô tô lại và đang còn ngồi trên xe, riêng bà D1 thì đã xuống xe đứng dưới đường bê tông. T nói với ông T1 trả số tiền 10.000.000 đồng đã chở gỗ cho Công ty thì ông T1 nói là không nợ tiền. Lúc đó, giữa T và ông T1 có lời nói cãi vã to tiếng qua lại với nhau, ông T1 định điều khiển xe mô tô bỏ đi thì T xuống xe mô tô và đi lại chỗ ông T1 đứng trước đầu xe mô tô của ông T1. Cùng lúc này, có bà Lê Thị C1 đi làm về khi đến đoạn đường trên thì bà C1 thấy giữa T và ông T1 cãi vã to tiếng nên bà C1 đi lại phía sau lưng người T dùng tay vỗ vào vai T nói “nghe lời bác đừng đánh lộn ghen con”, bà C1 nói xong vẫn thấy T và ông T1 tiếp tục cãi

vã to tiếng nên bà C1 bỏ đi ra chỗ khác (cách vị trí của T và ông T1 khoảng 15 mét) đứng ở đó. Khi đó, T dùng tay giữ vai ông T1 và nói để gọi anh Lê Văn D (anh ruột T) xuống. Khi T dùng tay giữ vai trái của ông T1 thì giữa T và ông T1 giằng co, xô đẩy qua lại với nhau thì cả T, ông T1 và xe mô tô của ông T1 ngã xuống đường bê tông. Cùng lúc đó, Á đi bộ đến chỗ T, ông T1 và bà D1 thì T nói với ông Á gọi điện thoại dùm cho anh D. Nghe T nói vậy, ông Á lấy điện thoại gọi điện thoại cho ông D và nói với ông D “thằng em mày nó chẳng được thằng T1 rồi xuống đây đòi tiền nợ”. Sau khi nghe ông Á gọi điện thoại nói như vậy thì ông D điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 77F9-0061 đi một mình đến nơi thấy ông T1 nên D có lời nói chửi bới to tiếng với ông T1 về việc ông T1 không trả số tiền nợ và yêu cầu trả tiền nợ. Sau khi T và ông T1 giằng co qua lại cả hai người ngã xuống đường đều đã đứng dậy, T tiếp tục dùng tay nắm cổ áo của ông T1 rồi cả 02 giằng co qua lại nên T và ông T1 ngã xuống đường bê tông. Do bị ngã xuống đường bê tông nên máy điện thoại di động của ông T1 bọc trong túi quần rơi ra ngoài đường. Cùng lúc này, có ông H Trương Thích đi cắt cỏ cho bò về khi đi đến đoạn đường trên thì thấy T đang nắm cổ áo ông T1 và nghe T nói “trả tiền mới được đi”. Do ông T1 lo sợ nếu không trả tiền cho T và ông D thì sẽ bị T đánh nên ông T1 nói với bà D1 lấy điện thoại di động của ông T1 chuyển khoản trả tiền cho ông D. Do ông D không có số tài khoản ngân hàng nên T gọi điện thoại cho Hồ Thị Kiều O (vợ T), hỏi số tài khoản Ngân hàng. Sau đó, T đọc số tài khoản Ngân hàng cho bà D1 rồi bà D1 sử dụng điện thoại di động của ông T1 chuyển số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng qua tài khoản của bà O. Khi đó, T vẫn còn nắm cổ áo của ông T1. Sau khi bà D1 chuyển tiền qua số tài khoản của bà O thì T vẫn chưa thả ông T1. Liên sau khi bà D1 chuyển tiền xong thì T gọi điện thoại cho bà O hỏi đã nhận được tiền chưa thì bà O nói đã nhận được số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng từ tài khoản của ông Trương Văn T1 chuyển đến, nghe bà O nói đã nhận tiền nên T mới thả tay ra khỏi cổ áo của ông T1 và cho ông T1 đi. Sự việc xảy ra trong khoảng thời gian từ 10 đến 15 phút, ông T1 điều khiển xe mô tô chở bà D1 đi về. Còn ông D điều khiển xe mô tô chở ông Á đi về, T điều khiển xe mô tô đi về một mình. Sau khi, ông T1 chở bà D1 về nhà thì đến Công an xã M báo cáo sự việc và yêu cầu điều tra làm rõ. Đến khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 27/5/2023, ông T1 đến khám và nhập viện điều trị tại Khoa ngoại của Trung Tâm y tế huyện P. Tuy nhiên, sau khi vào Khoa ngoại bác sĩ Khoa ngoại làm thủ tục nhập viện xong thì ông T1 bỏ đi về không tiếp tục điều trị và không làm thủ tục xuất viện. Đến ngày 29/5/2023, ông T1 tiếp tục đến khám tại phòng khám T3 mũi hòng, địa chỉ 281 N, TP ., tỉnh Bình Định. Ông Trương Văn T1 bị thương tích đa chấn thương phần mềm.

Ngày 05/9/2023, Trung tâm Pháp y tỉnh B tiến hành giám định, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trương Văn T1 là 03%.

Về vật chứng thu giữ: Số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng do bà Hồ Thị Kiều O tự nguyện giao nộp hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Công an huyện P tại Ngân hàng B1 chi nhánh P1.

Về dân sự: Ông Trương Văn T1 không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt tù, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/10/2023 đến ngày 29/10/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 04/9/2024 bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo Lê Văn T được hưởng án treo. Án định thời gian thử thách cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định vụ án như sau:

Xuất phát từ việc ông Trương Văn T1 nợ tiền của Lê Văn T và Lê Văn D nhưng không trả, nên vào lúc 17h 30' ngày 26/5/2023 T nhìn thấy ông Trương Văn T1 điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 77D1- 743.74 chở bà Võ Thị D1 đang đi trên đường bê tông thuộc thôn C, xã M, huyện P, nên Lê Văn T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 77F1-371.13 đuổi theo xe ông T1 và yêu cầu ông T1 trả nợ cho T 10.000.000 đồng, rồi hai bên cãi vã, giằng co, T nắm cổ áo ông T1 đe dọa uy hiếp tinh thần ông T1. Vì sợ T đánh nên ông T1 phải chuyển khoản trả cho T 10.000.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện P kết án bị cáo Lê Văn T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Văn T, hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã nộp lại 10.000.000 đồng bồi thường khắc phục hậu quả nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản

1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, gia đình bị cáo có công với cách mạng, cha bị cáo Lê Văn S là thương binh, mẹ tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, bà nội Hồ Thị L1 là mẹ Việt Nam anh hùng, ông nội Lê N là liệt sỹ, ông ngoại Nguyễn Phúc A là liệt sỹ, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022 NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo Lê Văn T có đủ điều kiện được hưởng án treo. Xét thấy, bị cáo Lê Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hơn nữa, hậu quả bị cáo gây ra không lớn, bị cáo có nhiều đóng góp trong việc bảo vệ trật tự trị an tại địa phương, có điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình (có đơn được chính quyền địa phương xác nhận), bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Văn T, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại cộng đồng cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội, vừa thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định về phần hình phạt đối bị cáo Lê Văn T.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Văn T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an huyện P;
- Cơ quan THAHS Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoài Xuân**